TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13- HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 18/2025/HNGĐ-ST Ngày: 20/9/2025 (V/v: Ly hôn)	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – HẢI PHÒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*:* Ông **Vũ Minh Hải**.

- Các hội thẩm nhân dân*:* Ông **Triệu Ngọc Vạn**, ông **Vũ Duy Tuấn**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Hải Loan** - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 13 – Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông **Vũ Đình Phương** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2025, tại Hội trường xét xử tại UBND huyện T (cũ), Tòa án nhân dân khu vực 13 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2025 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2025/HNGĐ-ST ngày 03 tháng 9 năm 2025, Thông báo về việc thay đổi địa điểm mở phiên toà số 04/2025/TB-TA ngày 03 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Trọng K**, sinh năm 1997 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Số CCCD: 030097005718.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Đội 2, khu V, xã N, thành phố Hải Phòng.

2. *Bị đơn:* Chị **Trần Thị Thu H**, sinh năm 2003.

Số CCCD: 030303011189.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Đội 2, khu V, xã N, thành phố Hải Phòng. Nơi cư trú hiện nay: Đang sinh sống tại Đài Loan (không rõ địa chỉ)

(Vắng mặt lần thứ 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn anh Nguyễn Trọng K trình bày: anh và chị Trần Thị Thu H kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có thời gian tìm hiểu nhau, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, được ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương cấp giấy chứng nhận kết

hôn ngày 18/03/2022 (nay là xã N, thành phố Hải Phòng). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 04 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng có nhiều bất đồng về kinh tế, tình cảm, quan điểm sống, đặc biệt do đời sống khó khăn nên hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không đồng cam cộng khổ mà bỏ mặc cuộc sống của bên kia, ai sống sao thì sống dẫn đến cãi vã nhau và bất hòa thường xuyên. Tháng 07/2022 chị Trần Thị Thu H bỏ về sống tại nhà bố mẹ đẻ và đến tháng 11/2022 chị Trần Thị Thu H đi Đài Loan không thông báo gì cho anh, từ đó hai bên không còn liên lạc với nhau. Đến nay hai bên không còn sự yêu thương tôn trọng nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị Trần Thị Thu H.

Về con chung: Anh Nguyễn Trọng K xác định vợ chồng chưa có con chung, chưa có tài sản chung, không nợ ai và cho ai vay nợ, không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại biên bản làm việc với ông Trần Văn T (bố đẻ chị Trần Thị Thu H) xác định: Sau khi làm việc với Tòa án, ông đã cung cấp hình ảnh về nội dung ông đã làm việc với Tòa án, hình ảnh các văn bản tố tụng do Tòa án gửi cho chị Trần Thị Thu H qua mạng xã hội Z và chị Trần Thị Thu H có quan điểm thông qua ông như sau: Chị và anh Nguyễn Trọng K kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Chị xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra trầm trọng và sâu sắc, anh Nguyễn Trọng K xin ly hôn chị nhất trí ly hôn. Về con chung, tài sản chung, nợ chung, công sức không có nên không đề nghị Toà án giải quyết. Do chị đang ở Đài Loan không về được nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Mặc dù ông T đã hỏi địa chỉ cụ thể của chị Trần Thị Thu H tại Đài Loan nhưng chị Trần Thị Thu H từ chối cung cấp bởi lý do công việc không muốn gây phiền hà cho bản thân. Chị Trần Thị Thu H đề nghị Tòa án giao các văn bản tố tụng cho bố chị là ông T để ông T thông báo cho chị được biết.

Tại phiên toà: Anh Nguyễn Trọng K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; quan điểm trong lời khai và đơn đề nghị xử vắng anh Nguyễn Trọng K vẫn xin được ly hôn chị H, không thay đổi, bổ sung gì thêm. Chị Trần Thị Thu H vắng mặt lần thứ hai mặc dù đã được Tòa án cấp, tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13- Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sau (sau đây viết tắt là HĐXX) và thư ký từ khi thụ lý cho đến trước khi vào nghị án thực hiện đúng theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền và trình tự thủ tục của giai đoạn xét xử sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng theo các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định Điều 70, 72 BLTTDS. Đề Nghị HĐXX: Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147 BLTTDS; Điều 1 luật sửa đổi một số điều của

BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án lệ phí.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Trọng K được ly hôn chị Trần Thị Thu H. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không phải giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Trọng K phải chịu 300.000 án phí sơ theo quy định của pháp luật, được trừ đi 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà Sau khi thảo luận và nghị án. HĐXX, thấy:

[1]. **Về tố tụng**:

1.1. Về Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn chị Trần Thị Thu H hiện đang cư trú tại Đài Loan, anh Nguyễn Trọng K có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 13- Hải Phòng giải quyết quan hệ hôn nhân giữa anh với chị Trần Thị Thu H và cung cấp địa chỉ của chị Trần Thị Thu H trước khi xuất cảnh tại Đội 1, thôn V, xã N, thành phố Hải Phòng. Qua xác minh tại phòng Q Công an thành phố H, từ năm 2022 đến nay chị Trần Thị Thu H thường xuyên xuất cảnh ra nước ngoài. Lần gần nhất, ngày 18/02/2025 chị Trần Thị Thu H xuất cảnh ra nước ngoài bằng hộ chiếu số P00290942 qua cửa khẩu sân bay quốc tế N, đến nay chưa có thông tin nhập cảnh trở lại. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13 - Hải Phòng.

1.2. Về sự vắng mặt của các đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, chị Trần Thị Thu H đã được thông báo, đã biết nội dung anh Nguyễn Trọng K khởi kiện, tuy nhiên chị Trần Thị Thu H cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã tiến hành cấp tống đạt văn bản tố tụng đối với chị Trần Thị Thu H thông qua người thân, đồng thời niêm yết các văn bản tố tụng đối với chị H nhưng chị Trần Thị Thu H vẫn vắng mặt không đến Tòa án làm việc. Do nguyên đơn anh Nguyễn Trọng K có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại Khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Khi Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử, do chị Trần Thị Thu H vắng mặt lần thứ nhất nên HĐXX đã Quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, chị Trần Thị Thu H vắng mặt không có lý do nên HĐXX quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn chị Trần Thị Thu H là phù hợp với quy định điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trước khi mở phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Trọng K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, HĐXX

xét xử vắng mặt anh Nguyễn Trọng K là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. **Về nội dung**:

2.1. Nguyên đơn anh Nguyễn Trọng K xin ly hôn chị Trần Thị Thu H, không yêu cầu nợ chung, tài sản chung.

2.2. Hôn nhân giữa anh Nguyễn Trọng K và chị Trần Thị Thu H được ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương (nay là xã N, thành phố Hải Phòng) cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 18/03/2022, tại thời điểm kết hôn anh Nguyễn Trọng K và chị Trần Thị Thu H đủ điều kiện kết hôn, hoàn toàn tự nguyện, điều đó thoả mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và Gia đình quy định là Hôn nhân hợp pháp.

2.3. *Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Trọng K, Hội đồng xét xử nhận thấy:* Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được 04 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng có nhiều bất đồng về kinh tế, tình cảm, quan điểm sống, đặc biết do đời sống khó khăn nên hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không đồng cam cộng khổ mà bỏ mặc cuộc sống của bên kia, ai sống sao thì sống dẫn đến cãi vã nhau và bất hòa thường xuyên. Tháng 07/2022 chị Trần Thị Thu H bỏ về sống tại nhà bố mẹ đẻ và đến tháng 11/2022 chị Trần Thị Thu H đi Đài Loan không thông báo gì cho anh từ đó hai bên không còn liên lạc với nhau. Đến nay hai bên không còn sự yêu thương tôn trọng nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn chị Trần Thị Thu H. Chị Trần Thị Thu H không có lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, tuy nhiên Tòa án thông qua gia đình thông báo cho chị Trần Thị Thu H biết việc anh Nguyễn Trọng K xin ly hôn, chị Trần Thị Thu H có quan điểm: chị xác định mâu thuẫn vợ chồng sâu sắc và trầm trọng, chị nhất trí ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh Nguyễn Trọng K và chị Trần Thị Thu H đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Trọng K. Xử cho anh Nguyễn Trọng K ly hôn chị Trần Thị Thu H là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung, tài sản chung, nợ chung, công sức: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Anh Nguyễn Trọng K là nguyên đơn nên phải chịu án phí sơ thẩm dân sự ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Nguyễn Trọng K và bị đơn chị Trần Thị Thu H có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273, khoản 1 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 4 Điều 207; khoản 1, điểm a, b Khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 1 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Điều 4 nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của ủy ban thường vụ quốc hội; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Trọng K.

2. Xử: Anh Nguyễn Trọng K được ly hôn chị Trần Thị Thu H.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Trọng K phải chịu 300.000 đồng được đối trừ với số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số BLTU/23/0001919 ngày 15/7/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh Nguyễn Trọng K đã hoàn thành nghĩa vụ nộp án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Nguyễn Trọng K được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; bị đơn chị Trần Thị Thu H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 13-Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự;
- UBND xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng (để ghi vào sổ hộ tịch, GCN kết hôn do UBND xã Đồng Tâm, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương cấp ngày 18/3/2022)
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Minh Hải

.